

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2025/DS - ST**

Ngày 11- 8- 2025

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Em

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST –DS ngày 25/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ P, sinh năm 1968. (có mặt).

Địa chỉ: Số D ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long)

- Bị đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số C N, phường A, thành phố B (Nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long). Vắng mặt.

-Người làm chứng theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lệ P: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968. Nơi cư trú: ấp A, xã P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ P trình bày:

Ngày 08/12/2023 bà có cho bà Trương Thị T vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận là 4%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Khi giao tiền bà Trương Thị T có viết biên nhận vào ngày 08/12/2023 cho bà, hai bên giao nhận tiền và bà T viết biên nhận nợ có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn N và ông N có ký tên người làm chứng trong biên nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T có trả lãi cho bà 01 năm; việc giao trả lãi do hai bên thỏa thuận không có làm giấy tờ gì. Khi đến thời hạn trả tiền thì bà T nhiều lần trốn tránh không trả vốn vay cho bà như thỏa thuận.

Tại phiên tòa bà yêu cầu bà Trương Thị T có trách nhiệm giao trả cho bà số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng, nợ lãi từ ngày 08/11/2024 đến ngày 11/8/2025 là 09 tháng, với lãi suất 0.83%/tháng theo quy định là 11.250.000 đồng.

Bị đơn bà Trương Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Trương Thị T vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Bà Trương Thị T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Trương Thị T vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trương Thị T.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Lệ P yêu cầu bà Trương Thị T có trách nhiệm giao trả cho bà số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 11.250.000 đồng. Xét thấy: Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là “*Bản chính biên nhận vay tiền ngày 08/11/2023*”. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà T đều vắng mặt. Tuy nhiên bà T vẫn có đăng ký thường trú địa chỉ nêu trên đã nhận được bản sao tài liệu chứng cứ là căn cứ khởi kiện nguyên đơn; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; bà T cũng không có ý kiến phản đối gì đối với chứng cứ và yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Mặt khác lời trình bày xác nhận của người làm chứng tại phiên tòa nên có căn cứ xác định bà T có vay tiền và ký tên biên nhận nợ ngày 08/12/2023 cho bà P nhưng chưa thực hiện

nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà P trong thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà P. Do đó việc bà P yêu cầu bà T giao trả số tiền 150.000.000 đồng vốn vay và nợ lãi là 11.250.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Bà Trương Thị T phải nộp án phí được tính như sau: 161.250.000 đồng x5% =8.062.000 đồng.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 244, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 463, Điều 466, Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ P.

Buộc bà Trương Thị T có trách nhiệm giao trả cho bà Nguyễn Thị Lệ P số tiền 161.250.000 (một trăm sáu mươi một triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng, trong đó vốn vay là 150.00.000 đồng, nợ lãi là 11.250.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Trương Thị T phải nộp 8.062.000 (Tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn) đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thị Lệ P được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.061.250 (bốn triệu, không trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu số 0008021 ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

